

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty Honda Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: Phường Phúc Thắng – Thành phố Phúc Yên- Tỉnh Vĩnh Phúc
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô hai bánh
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: BLADE
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): JA366 BLADE
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 0164/VAQ06-01/20-00
- 1.8. Sổ Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: . 3875/NETC-M/20/C ngày: 03-09-2020

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân:.....98..... kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất:.....248..... kg
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: HONDA JA36E. Loại động cơ: Xăng 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh):109,1 cm³.....
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay:6,18/7500.....kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Chế hòa khí/ phun nhiên liệu/ khác:⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/Tự động ⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền:4.....
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:2,615 / 1,555 / 1,136 / 0,916.....
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng:2,642.....
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: ...70/90-17M/C.... áp suất lốp:200.....kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: ...80/90-17M/C.... áp suất lốp:280.....kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định:91.....km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

- 3.1. Chu trình thử: TCVN 9726:2013
- 3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai:1,85.....l/100 km



4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

Kích thước: 50 x 70 mm



5. Ghi chú (nếu có):

.....
.....
.....
.....



....., ngày.....tháng.....năm.....
Cơ sở sản xuất/ nhập khẩu
(Ký tên, đóng dấu)



LÊ VĂN VỆ
TRƯỞNG PHÒNG
LUẬT VÀ CHỨNG NHẬN XE HAI BÁNH

Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm